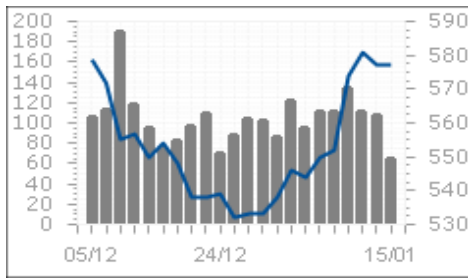


HOSE 15/01/2015

VNINDEX	577.74	0.73	0.13%
KLGD	120,095,579	CP	
GTGD	2,016.71	Tỷ	
GTR NDTNN	-	14.16	Tỷ
CP Tăng giá	127	CP	
CP Giảm giá	68	CP	
CP Đứng giá	109	CP	

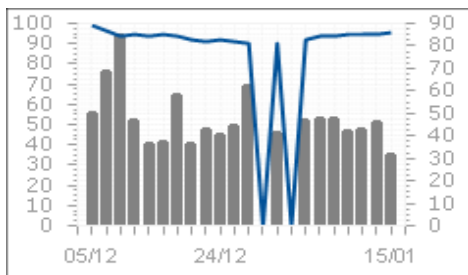


Tâm điểm

- ▶ **Mua bán thận trọng tại ngưỡng kháng cự khiến giao dịch diễn ra khá cân bằng**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng nhẹ so với phiên hôm qua**
 NĐT Nước ngoài bán ròng nhẹ trên cả hai sàn
- ▶ **Năm 2014: Số vụ sản xuất, kinh doanh hàng giả tăng gần 25%**
 Cục Quản lý thị trường tổ chức Hội nghị trực tuyến báo cáo công tác năm 2014
 Trì thức trẻ
- ▶ **Thêm 178 triệu USD vốn FDI được đầu tư vào TP Hồ Chí Minh**
 15/01: UBND TP Hồ Chí Minh trao giấy chứng nhận đầu tư cho 2 công ty TTXVN
- ▶ **HSBC: Tăng trưởng các thị trường mới nổi vẫn yếu**
 Chỉ số EMI trung bình cả năm 2014 là 51.4 điểm
 Vietstock
- ▶ **FIT đặt kế hoạch lãi trước thuế năm 2015 gấp gần 4 lần năm 2014**
 Mục tiêu doanh thu toàn hệ thống đạt 2.309 tỷ đồng
 Vietstock
- ▶ **Masan Food đã mua gần 33% Cholimex Foods**
 2 cổ đông lớn của Cholimex Foods không bán bất cứ cổ phiếu nào
 Vietstock

HNX 15/1/2015

HNXINDEX	85.88	1.02	1.21%
KLGD	67,558,312	CP	
GTGD	966.97	Tỷ	
GTR NDTNN	-	3.27	Tỷ
CP Tăng giá	115	CP	
CP Giảm giá	81	CP	
CP Đứng giá	183	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	617.62	0.78	0.13%
HNX30	167.96	2.95	1.78%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,048,235	14.0	2.8	18.2%	9.3%
HNX	140,718	13.5	1.7	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,188,953	14.4	2.7	18.0%	9.0%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,729	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,422	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Khai khoáng	37,343	12.6	2.0	23.0%	10.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,455	102.5	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	26,895	14.8	1.6	13.3%	7.3%
Máy công nghiệp	32,952	27.0	1.2	1.9%	2.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,870	8.9	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,691	8.5	1.5	18.6%	13.6%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,129	10.5	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm	24,131	11.0	2.2	22.5%	7.5%
Dược phẩm	190,179	24.4	4.6	18.6%	14.4%
Phần mềm	15,661	12.5	2.8	22.3%	14.7%
Sản xuất & phân phối điện	17,023	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	30,009	10.5	1.5	15.7%	7.2%
Bảo hiểm nhân thọ	152,657	12.5	4.0	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	23,544	18.7	2.0	10.4%	2.2%
Ngân hàng	26,027	10.8	1.4	11.0%	7.5%
Bất động sản	281,335	13.3	1.6	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	160,315	15.7	2.5	17.9%	4.6%
	32,513	7.4	1.5	21.9%	9.2%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Năm 2014: Số vụ sản xuất, kinh doanh hàng giả tăng gần 25%

Thêm 178 triệu USD vốn FDI được đầu tư vào TP Hồ Chí Minh

HSBC: Tăng trưởng các thị trường mới nổi vẫn yếu

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

FIT đặt kế hoạch lãi trước thuế năm 2015 gấp gần 4 lần năm 2014

Masan Food đã mua gần 33% Cholimex Foods

IPO Hanoibus: Chào bán 2 triệu cổ phiếu

► Tin kinh tế

Chiều ngày 14/1, Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương) đã tổ chức Hội nghị trực tuyến báo cáo công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015. Theo tổng kết: lực lượng Quản lý thị trường đã phát hiện, xử lý 17.396 vụ sản xuất, kinh doanh hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; giá trị 36 tỷ đồng. So với năm 2013, số vụ phát hiện xử lý tăng 3.388 vụ (tăng 24,2%); giá trị vi phạm tăng 3,9 tỷ đồng (12,1%). Phát hiện, xử lý 59.056 vụ vi phạm gian lận thương mại, vi phạm an toàn thực phẩm với trị giá 121 tỷ đồng. So với năm 2013, con số này đã tăng 1.282 vụ (tương ứng 2,2%); giá trị vi phạm tăng 15 tỷ đồng (14,6%).

Ngày 14/1, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trao giấy chứng nhận đầu tư cho: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Worldon Việt Nam thuộc Tập đoàn Gain Lucky (Anh) chuyên thiết kế thời trang và sản xuất các sản phẩm may mặc cao cấp tại Khu công nghiệp Đông Nam-Củ Chi với số vốn đầu tư tăng từ 140 triệu USD lên 300 triệu USD và công ty Trách nhiệm hữu hạn Nobland Việt Nam thuộc Tập đoàn Nobland International Inc (Hàn Quốc) chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc tại Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, quận 12, tăng vốn đầu tư từ 43 triệu USD lên 61 triệu USD để mở rộng đầu tư nâng cấp, mở rộng quy mô sản xuất cho ba nhà máy với 120 dây chuyền, có tổng công suất hơn 74 triệu sản phẩm/năm và giải quyết việc làm cho hơn 8.000 lao động.

Theo dữ liệu của HSBC và Markit, chỉ số phát triển kinh tế tại các thị trường mới nổi của HSBC (EMI) tăng từ mức thấp sáu tháng liên tiếp của tháng 11 là 51.2 điểm lên mức cao ba tháng liên tiếp 51.7 điểm trong tháng 12. Nhưng con số đó chỉ thể hiện một tốc độ phát triển trung bình. Chỉ số EMI trung bình cả năm 2014 là 51.4 điểm - mức thấp nhất tính theo năm kể từ khi loạt khảo sát bắt đầu vào cuối năm 2005. Ông Chris Williamson, Chuyên gia kinh tế trưởng của Markit nhận định: "Mặc dù tăng trưởng tại khắp các thị trường mới nổi chính trên thế giới đã phục hồi nhẹ, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn còn yếu, và còn có các dấu hiệu đã từng thấy ở khủng hoảng tài chính toàn cầu trước đây".

► Tin doanh nghiệp

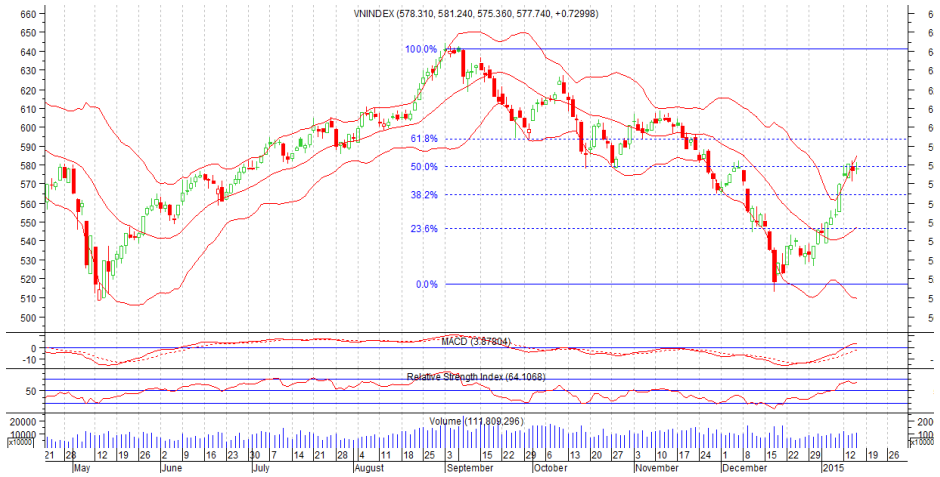
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (HNX: mã FIT) vừa công bố kế hoạch kinh doanh năm 2015. Trong đó, doanh thu toàn hệ thống đạt 2.309 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 376 tỷ đồng (gấp 3,7 lần kế hoạch năm 2014). Ngoài ra, mục tiêu lợi nhuận trên vốn năm 2015 không thấp hơn 17%. FIT cũng sẽ tiếp tục hoàn thiện kế hoạch tăng vốn từ 500 tỷ đồng lên 900 tỷ đồng. Trong đó, 7,5 triệu cổ phần để trả cổ tức tỷ lệ 15%; chào bán gần 30 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 60% và chào bán 2,5 triệu cổ phần cho cán bộ công nhân viên. Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần. Vừa qua, FIT thông báo đã phát hành xong 7.499.999 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014.

Công ty TNHH MTV Thực phẩm Ma San (Masan Food) thông báo đã mua 2.660.217 cổ phiếu, tương ứng 32,84% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex (Cholimex Foods). Masan Food có kế hoạch chào mua 49% cổ phần Cholimex Foods với giá chào mua 90.000 đồng/cổ phần. Với giá này, Masan Food phải chi ra tối thiểu hơn 294 tỷ đồng để mua 2,66 triệu cổ phiếu Cholimex Foods, 2 cổ đông lớn của Cholimex Foods là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) sở hữu 40,72% và Nichirei sở hữu 19% trước đó thông báo không bán bất cứ cổ phần nào. Ngày 13/5 của Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (Masan Consumer) cũng thông qua việc phê duyệt Masan Food mua 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Sài Gòn (Sai Gon Nutri Food).

HNX đã thông báo việc đăng ký IPO của Xí nghiệp Xe buýt Liên Ninh (Hanoibus) trực thuộc Tổng Công ty Vận Tải Hà Nội (Transerco). Số cổ phần được chào bán đầu giá là gần 2 triệu cổ phần, chiếm 39,79% vốn điều lệ dự kiến (50 tỷ đồng). Giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần. Phiên đấu giá sẽ diễn ra vào 12/02/2015 và mở cửa đối với tất cả các nhà đầu tư. Dự kiến sau cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ 1,75 triệu cổ phần (chiếm 35% vốn), CT Cổ phần Parus chiếm 16% vốn (800 nghìn cổ phần) và 9,21% vốn (460,6 nghìn cổ phần) sẽ bán cho người lao động và cổ phần bán đầu giá bên ngoài chiếm 39,79% vốn còn lại.

HOSE 15/01/2015 VNINDEX 577.74 0.73 0.13% 120,095,579 CP 2,016.71 bil VND

Mua bán thận trọng tại ngưỡng kháng cự khiến giao dịch diễn ra khá cân bằng
 - Vn-Index tăng 0.73đ (0.13%) lên mức 577.74 điểm. Sau mẫu hình nến Harami hình thành là cây nến Doji gần ngưỡng kháng cự. Dải Bollinger Band tiếp tục mở rộng cho thấy mức độ rủi ro cho quyết định mua bán tại ngưỡng này.
 '-MACD tiếp tục gia tăng mạnh, RSI tiếp tục đi ngang.
 '-Vn-Index đã suy yếu khi vào vùng kháng cự 580, khả năng sẽ tiếp tục test tại ngưỡng này trong phiên ngày mai.



HOSE Top 5 theo KLGD		
OGC	0.2 (3.2%)	10,662,260
FLC	0.3 (2.8%)	9,944,220
HAI	0 (0.0%)	6,874,860
PVT	0.9 (6.6%)	4,929,070
VHG	0 (0.0%)	4,491,690

HOSE Top 5 theo % tăng		
HLA	0.1 (8.3%)	355,980
FCM	0.7 (7.0%)	1,327,030
HTI	0.8 (6.8%)	242,880
KSH	0.7 (6.7%)	521,090
BTT	2.4 (6.7%)	5,000

HOSE Top 5 theo % giảm		
MHC	-1.4 (-9.7%)	556,780
TAC	-3.3 (-6.9%)	960
SII	-1.6 (-6.7%)	20
LGC	-2.1 (-6.6%)	23,550
HVX	-0.4 (-6.6%)	1,010

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN			
CNG	16,3 tỷ	500,000	
VIC	13,0 tỷ	275,950	
CII	8,0 tỷ	402,790	
MSN	6,2 tỷ	73,800	
HVG	5,7 tỷ	248,850	

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN			
VCB	-23,1 tỷ	623,940	
GAS	-15,2 tỷ	194,730	
KDC	-9,0 tỷ	189,140	
BVH	-6,8 tỷ	200,060	
HAG	-5,3 tỷ	226,420	

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-530,250	14.16

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: VN-Index giảm co liên tục, đồ thị giá khá khựng, gập ghềnh. Gắt gượng đóng cửa trong sắc xanh, VN-Index tăng nhẹ 0,73 điểm.
- ▶ Nhóm dầu khí tăng mạnh: PVD tăng 2.500 đồng, GAS tăng 1.000 đồng... Nhóm các cổ phiếu lớn có sự phân hóa: VIC tăng 300 đồng, VNM giảm 1.000 đồng,...
- ▶ Thanh khoản gia tăng so với phiên hôm qua đạt mức 120 triệu đơn vị, giá trị gần 2017 tỷ đồng. OGC dẫn đầu với 10,6 triệu đơn vị, FLC đạt 9,94 triệu đơn vị,...
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN bán ròng trên HOSE với gần 14,2 tỷ giá trị. Bán nhiều ở các mã VCB, GAS, KDC... và mua nhiều ở mã CNG, VIC...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	78.5	148,757.50	12.7	4.2	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.4	5.6	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	36.8	98,072.75	21.7	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.4	68,945.91	17.7	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 491.7	4.4	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	15.2	56,595.75	10.6	1.1	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	16.4	46,103.72	10.3	1.4	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	34.0	23,136.03	18.7	2.0	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.5	21,136.46	8.6	1.2	14.3%	1.4%

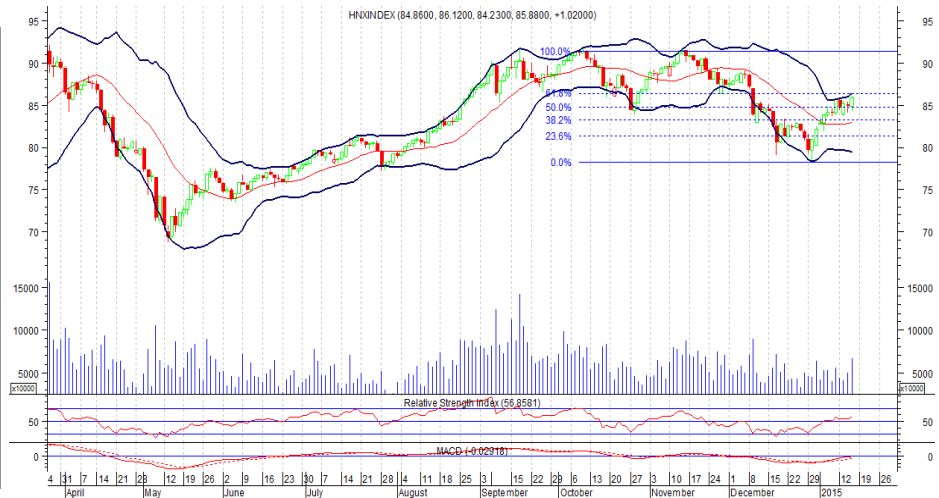
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	11.5	1,150.77	14.2	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.3	816.96	22.8	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.7	3,679.07	7.3	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.0	579.81	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 15/01/2015 HNX-Index 85.88 1.02 1.21% 67,558,312 CP 966.97 bil. VND

Mua bán thận trọng tại ngưỡng kháng cự khiến giao dịch diễn ra khá cân bằng

-Chỉ số HNX-Index tăng 1.02 điểm (+1.02%), đóng cửa tại mốc 85.88 điểm. Một cây nến xanh rộng, thân vừa phải hình thành. Lực mua bán trên HNX dường như mạnh hơn bên HOSE, khối lượng gia tăng đáng kể.
 - MACD tiếp tục tăng và gần như cắt đường zezo, tuy nhiên chỉ số RSI tăng trở lại
 - HNX-Index sẽ tiếp tục test tại ngưỡng này để chờ một lực cầu đủ mạnh mới có thể break out khỏi ngưỡng này để tiếp tục xu hướng tăng hiện tại.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	1 (9.0%)	23,365,180
PVS	2.1 (7.8%)	7,361,290
PVX	0.1 (2.0%)	3,497,770
SHB	0.1 (1.1%)	2,982,840
PVC	1.1 (4.5%)	2,784,210

HNX Top 5 theo % tăng

HTP	0.8 (11.0%)	-
HAT	5.5 (9.8%)	200
VIX	2.4 (9.8%)	1,497,190
VCM	1.6 (9.8%)	1,600
BHT	0.4 (9.8%)	3,200

HNX Top 5 theo % giảm

BKC	-1.2 (-10.0%)	8,200
PPE	-0.8 (-9.9%)	400
VNF	-4.3 (-9.8%)	600
CTA	-0.4 (-8.9%)	10,000
TPH	-0.7 (-8.9%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

TCT	0,3 tỷ	4,500
DNM	0,3 tỷ	10,000
SD9	0,3 tỷ	22,400
PVC	0,3 tỷ	10,800
MAS	0,3 tỷ	2,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-4,3 tỷ	151,200
LAS	-0,5 tỷ	14,000
LTC	-0,3 tỷ	47,000
FIT	-0,1 tỷ	7,300
GLT	-0,1 tỷ	5,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-133,706	- 3.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: HNX-Index ghi điểm gần trọn phiên. Kết thúc phiên, HNX-Index tăng khá 1,02 điểm điểm (tương đương 1,21%) lên 85,88 điểm.
- ▶ Nhóm cổ phiếu chủ chốt làm tốt vai trò dẫn dắt khi đa số về trong sắc xanh: PVS tăng mạnh 2.100 đồng; VND tăng 400 đồng; BVS và KLS tăng 200 đồng; ...
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh đạt gần 67,6 triệu đơn vị, giá trị giao dịch 966,97 tỷ đồng. KLF dẫn đầu với 23,4 triệu đơn vị, tiếp theo là PVS với 7.4 triệu đơn vị.
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: : NĐTNN bán ròng trên HNX với hơn 3,3 tỷ đồng. Bán nhiều ở các mã PVS, LAS... Mua nhiều các mã TCT, DNM...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.9	14,465.51	27.3	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	28.9	12,909.64	7.2	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.9	7,886.14	9.6	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	8.6	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	24.7	4,940.00	58.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.5	3,940.27	12.4	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.9	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.8	2,708.55	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.0	1,102.00	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.7	542.52	5.2	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.2	2,045.98	11.3	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.3	1,265.00	6.1	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.8	313.42	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.22%	84.5	- 491.68	4.36	141,626	269,558	208,601
VIC	HOSE	1,454.6	68,945.91	12.53%	47.4	17.66	3.72	606,710	828,099	1,030,472
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	11.71%	62.5	7.59	1.64	677,854	986,879	800,442
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.23	2.27	329,001	424,022	429,727
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	7.45%	23.5	9.78	1.27	2,816,083	2,853,296	3,097,612
KDC	HOSE	235.2	11,170.15	7.00%	47.5	17.84	1.65	1,545,204	1,262,572	1,191,857
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.63	1.19	994,128	2,511,306	1,012,541
VCB	HOSE	2,665.0	98,072.75	5.16%	36.8	21.68	2.30	1,557,316	1,494,678	750,357
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	4.04%	32.5	10.41	1.35	1,415,593	1,078,954	764,936
KBC	HOSE	389.8	6,353.09	2.83%	16.3	14.79	1.20	2,006,794	2,288,338	3,577,112
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.10	0.73	5,292,136	5,500,886	5,517,526
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	11.04	1.90	98,616	87,252	155,044
BVH	HOSE	680.5	23,136.03	1.83%	34.0	18.73	1.97	750,493	656,782	343,197
HVG	HOSE	189.2	4,238.07	1.55%	22.4	11.22	1.50	1,019,320	1,184,343	1,225,799
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	1.53%	11.0	6.28	0.89	10,682,461	10,694,215	14,069,198
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	1.47%	27.0	11.75	1.59	901,602	960,563	538,214
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.22	3.19	19,560	131,579	94,203
PVT	HOSE	255.9	3,735.52	1.37%	14.6	11.87	1.15	2,038,753	2,670,047	2,302,512
CSM	HOSE	67.3	2,826.26	1.32%	42.0	8.12	2.23	96,411	73,698	84,254
VSH	HOSE	206.2	2,887.38	1.16%	14.0	19.72	1.07	277,192	600,281	479,016
OGC	HOSE	300.0	1,920.00	0.56%	6.4	10.79	0.57	9,202,105	7,420,878	6,656,965

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.53%	84.5	- 491.68	4.36	141,626	269,558	208,601
VIC	HOSE	1,454.6	68,945.91	7.57%	47.4	17.66	3.72	606,710	828,099	1,030,472
VCB	HOSE	2,665.0	98,072.75	7.13%	36.8	21.68	2.30	1,557,316	1,494,678	750,357
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.62%	18.5	8.63	1.19	994,128	2,511,306	1,012,541
PVS	HNX	446.7	12,909.64	5.75%	28.9	7.21	1.38	2,100,243	2,659,024	2,458,171
BVH	HOSE	680.5	23,136.03	4.51%	34.0	18.73	1.97	750,493	656,782	343,197
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	4.25%	32.5	10.41	1.35	1,415,593	1,078,954	764,936
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	4.04%	23.5	9.78	1.27	2,816,083	2,853,296	3,097,612
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	3.90%	62.5	7.59	1.64	677,854	986,879	800,442
PPC	HOSE	318.2	8,590.17	3.14%	27.0	11.75	1.59	901,602	960,563	538,214
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.10	0.73	5,292,136	5,500,886	5,517,526
FLC	HOSE	314.9	3,463.83	2.85%	11.0	6.28	0.89	10,682,461	10,694,215	14,069,198
SHB	HNX	886.1	7,886.14	2.54%	8.9	9.64	0.75	4,780,127	5,093,774	3,698,385
VCG	HNX	441.7	5,609.73	2.12%	12.7	8.56	1.00	1,054,571	1,294,072	1,403,587
PVT	HOSE	255.9	3,735.52	1.78%	14.6	11.87	1.15	2,038,753	2,670,047	2,302,512
OGC	HOSE	300.0	1,920.00	143.00%	6.4	10.79	0.57	9,202,105	7,420,878	6,656,965
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.00%	55.5	13.22	3.19	19,560	131,579	94,203
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.65%	13.6	22.17	1.30	143,977	323,187	536,815
PVX	HNX	400.0	2,040.00	0.00%	5.1	- 2.18	2.17	4,378,157	4,481,861	5,032,011

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,945.91	0.00%	47.4	17.66	3.72	606,710	828,099	1,030,472
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	-491.68	4.36	141,626	269,558	208,601
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.00%	32.5	10.41	1.35	1,415,593	1,078,954	764,936
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	0.00%	23.5	9.78	1.27	2,816,083	2,853,296	3,097,612
VCB	HOSE	2,665.0	98,072.75	0.00%	36.8	21.68	2.30	1,557,316	1,494,678	750,357
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.63	1.19	994,128	2,511,306	1,012,541
BVH	HOSE	680.5	23,136.03	0.00%	34.0	18.73	1.97	750,493	656,782	343,197
CTG	HOSE	3,723.4	56,595.75	0.00%	15.2	10.56	1.05	688,182	443,560	318,967
GAS	HOSE	1,895.0	148,757.50	0.00%	78.5	12.74	4.15	542,300	586,216	509,016

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	4.01%	84.5	-491.68	4.36	141,626	269,558	208,601
VIC	HOSE	1,454.6	68,945.91	2.27%	47.4	17.66	3.72	606,710	828,099	1,030,472
PVD	HOSE	303.0	18,939.81	4.39%	62.5	7.59	1.64	677,854	986,879	800,442
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.63	1.19	994,128	2,511,306	1,012,541
VCB	HOSE	2,665.0	98,072.75	1.28%	36.8	21.68	2.30	1,557,316	1,494,678	750,357
BVH	HOSE	680.5	23,136.03	1.79%	34.0	18.73	1.97	750,493	656,782	343,197

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

15 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản						
Hóa Chất						
Nhựa, cao su & sợi	6,729	6.5	0.9	12.6%	8.3%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,422	9.7	1.6	16.9%	10.6%	
Lâm nghiệp và giấy						
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,137	15.4	1.0	5.7%	2.2%	
Sản xuất giấy	875	6.3	1.0	14.4%	7.9%	
Kim loại						
Thép và sản phẩm thép	37,343	12.6	2.0	23.0%	10.9%	
Khai khoáng						
Khai thác than	2,029	3.7	1.0	21.6%	5.2%	
Khai khoáng	12,455	102.5	6.2	-4.1%	-3.4%	
Xây dựng và vật liệu						
Xây dựng và vật liệu						
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,895	14.8	1.6	13.3%	7.3%	
Xây dựng	32,952	27.0	1.2	1.9%	2.4%	
Hàng và dịch vụ công nghiệp						
Hàng công nghiệp						
Containers & Đóng gói	2,212	9.6	1.2	15.9%	7.9%	
Công nghiệp phức hợp	1,049	6.9	1.1	16.9%	12.4%	
Điện tử và thiết bị điện						
Hàng điện & điện tử	2,662	8.1	1.5	18.7%	6.5%	
Thiết bị điện	1,879	11.8	2.2	10.0%	4.5%	
Công nghiệp nặng						
Xe tải & Đóng tàu	76	24.9	1.0	4.1%	2.9%	
Máy công nghiệp	8,870	8.9	1.3	15.2%	10.4%	
Vận tải						
Vận tải thủy	8,418	-	2.8	0.9	4.7%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,691	8.5	1.5	18.6%	13.6%	
Dịch vụ vận tải	9,699	8.3	3.3	42.8%	31.3%	
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh						
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,625	18.3	1.8	8.7%	4.5%	
Đào tạo & Việc làm	253	13.1	0.8	6.9%	2.5%	
Nhà cung cấp thiết bị	195	8.9	1.0	13.0%	5.2%	
Chất thải & Môi trường	221	3.4	1.1	33.5%	15.5%	
Ô tô và Phụ tùng						
Ô tô và Phụ tùng						
Sản xuất ô tô	2,279	13.6	1.3	14.7%	7.3%	
Lốp xe	8,129	10.5	2.7	25.5%	11.0%	
Thực phẩm và đồ uống						
Bia và đồ uống						
Sản xuất bia	1,737	7.7	1.3	17.7%	9.6%	
Vang & Rượu mạnh	325	16.4	2.2	14.9%	9.9%	
Đồ uống & giải khát	235	6.6	1.2	14.6%	9.7%	
Sản phẩm thực phẩm						
Nuôi trồng nông & hải sản	24,131	11.0	2.2	22.5%	7.5%	
Thực phẩm	190,179	24.4	4.6	18.6%	14.4%	
Hàng cá nhân và gia dụng						
Hàng gia dụng						
Đồ gia dụng lâu bền	65	18.3	0.8	4.4%	3.2%	
Thiết bị gia dụng	2,871	7.8	1.2	18.3%	8.8%	
Hàng hóa giải trí						
Điện tử tiêu dùng	537	64.7	1.4	2.6%	1.8%	
Hàng cá nhân						
Hàng may mặc	3,628	8.3	1.6	19.3%	7.6%	
Giày dép	10	-	1.4	-33.3%	-19.0%	
Hàng cá nhân	6,210	10.4	2.0	18.8%	9.6%	
Thuốc lá						
Thuốc lá	783	-	11.6	1.9%	4.4%	

15 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	8.8	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	159	3.3	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	214	9.2	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,661	12.5	2.8	22.3%	14.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	234	37.2	0.8	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	716	10.0	1.2	13.7%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,774	9.6	1.6	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,112	9.1	1.0	10.3%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,585	54.8	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,289	20.2	1.3	11.7%	9.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,711	18.3	3.4	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	752	11.2	0.9	8.8%	3.3%
Internet	429	90.5	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,023	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	470	16.0	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	290	5.5	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	15,834	41.0	8.8	34.9%	11.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	30,009	10.5	1.5	15.7%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	152,657	12.5	4.0	32.4%	22.0%
Nước	1,205	6.4	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,414	8.4	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,577	11.2	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,172	9.9	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,544	18.7	2.0	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,587	7.7	1.2	18.5%	12.7%
Môi giới chứng khoán	26,027	10.8	1.4	11.0%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	281,335	13.3	1.6	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	160,315	15.7	2.5	17.9%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,513	7.4	1.5	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.